

Nghiên cứu Việt Nam tại Hàn Quốc: Quá trình Phát triển và Xu hướng

Lee Han Woo^(*)

Tóm tắt: *Mối quan tâm nghiên cứu về Việt Nam ở Hàn Quốc sau thời gian thăng trầm đã tăng lên nhanh chóng từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới năm 1986 và quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc được thiết lập vào tháng 12/1992. Khi hai nước mở rộng quan hệ hợp tác, mối quan tâm về Việt Nam ngày một gia tăng tạo ra sự “bùng nổ” các nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc, nơi sản sinh nhiều nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam trong nửa cuối thập niên 1990 và nửa đầu thập niên 2000. Hiện nay, đây là những nhà nghiên cứu Việt Nam thế hệ thứ hai và tạo nên nền tảng cho ngành Việt Nam học tại Hàn Quốc. Không chỉ các nghiên cứu của các nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam mà cả các nghiên cứu trường hợp đã cho thấy sự gia tăng đáng kể các nghiên cứu về Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh và các vấn đề xã hội. Các nghiên cứu Việt Nam tại Hàn Quốc có liên quan mật thiết đến sự thay đổi xã hội. Thời gian tới, Việt Nam học ở Hàn Quốc cần hướng tới nâng cao chất lượng các nghiên cứu trên cơ sở gia tăng các kết quả nghiên cứu mang tính định lượng.*

Từ khóa: Hàn Quốc, Việt Nam, Đông Nam Á, Nghiên cứu khu vực, Nghiên cứu trường hợp

Abstract: *In contemporary South Korea, after the adoption of the Doi Moi reform policy in late 1986 in Vietnam and the establishment of diplomatic relations between Korea and Vietnam in December 1992, the interest in Vietnamese studies increased rapidly. As the two countries expanded their cooperation, the increased interest in Vietnam created the “boom” of Vietnamese studies in Korea, which produced many Vietnam specialists during the second half of the 1990s and the first half of the 2000s. These specialists are now in the second generation of Vietnamese studies and form the backbone of Vietnamese studies in Korea. The researches done by not only Vietnam specialists but also researchers who conduct case studies about Vietnam have significantly increased in the fields of economics, business management and social studies. Vietnamese studies in Korea have been closely related to social change. The future task for the development of Vietnamese studies in Korea is to promote quality of researches based on quantitative growth.*

Keywords: Korea, Vietnam, Southeast Asia, Area studies, Case studies

^(*) PGS.TS., Đại học Sogang, Viện Nghiên cứu Đông Á, Hàn Quốc; Email: asia@sogang.ac.kr.

I. Mở đầu

Hàn Quốc và Việt Nam bình thường hóa quan hệ vào tháng 12/1992. Sự hợp tác giữa hai nước bắt đầu trong lĩnh vực kinh tế kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao và nhanh chóng mở rộng trong giao lưu văn hóa và nhân lực. Lượng giao dịch giữa hai nước tăng hơn 120 lần trong 25 năm (1992-2017) từ khoảng 500 triệu USD năm 1992 lên khoảng 64 tỷ USD năm 2017, đưa Hàn Quốc trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam và Việt Nam trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của Hàn Quốc. Trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Hàn Quốc đứng ở vị trí số một kể từ năm 2014 với lượng phê duyệt đầu tư ngày một tăng(?). Trong lĩnh vực văn hóa, phim truyền hình Hàn Quốc đã nhận được đánh giá tích cực của khán giả Việt từ cuối những năm 1990, và xu hướng này đã lan sang lĩnh vực điện ảnh, âm nhạc và ẩm thực. Hiện nay, có khoảng 150.000 người Hàn Quốc sống ở Việt Nam và cũng khoảng đó số người Việt Nam sống tại Hàn Quốc. Số phụ nữ Việt Nam kết hôn với đàn ông Hàn Quốc lên tới 50.000 người, đứng thứ hai về số lượng người phối ngẫu nước ngoài tại Hàn Quốc. Điều đáng nói là quan hệ song phương đã phát triển rất nhanh trong vòng hơn 25 năm qua.

Trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, cả hai nước đều trong tình trạng khủng hoảng về kinh tế(?). Tại thời điểm bắt đầu có những trao đổi kinh tế chính thức giữa hai nước, Việt Nam mới bắt đầu tiến hành công nghiệp hóa và rất cần các doanh nghiệp giải quyết việc làm cho nhóm lao động nhàn rỗi; còn Hàn Quốc đang trong giai đoạn chuyển giao các ngành công nghiệp thâm dụng lao động ra nước ngoài. Kể từ đó, các doanh nghiệp Hàn Quốc đã đầu tư vào Việt Nam, không chỉ ở các

ngành công nghiệp nhẹ, mà còn trong lĩnh vực công nghiệp nặng như xây dựng và sản xuất thép, góp phần xây dựng nền tảng công nghiệp của Việt Nam. Khi quá trình công nghiệp hóa của Việt Nam phát triển mạnh, các công ty Hàn Quốc chuyển hướng đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất có giá trị gia tăng cao.

Để mối quan hệ song phương được duy trì và phát triển vững chắc, hai nước cần phải mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau trên cơ sở nghiên cứu học thuật sâu. Người Hàn Quốc đã nghiên cứu học thuật về Việt Nam như thế nào? Nhìn chung, nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc vẫn là chưa đủ. Ở Nhật Bản (nước láng giềng của Hàn Quốc), số lượng các nhà nghiên cứu có mối quan tâm học thuật về Việt Nam trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn cũng không ít. Số lượng thành viên của Hội Các nhà nghiên cứu về Việt Nam tại Nhật Bản (được thành lập năm 1987) chỉ khoảng 100 người năm 2000, tương đương với số lượng các nhà nghiên cứu về Việt Nam tại châu Âu năm 1999 (Furuta, 2000: 227). Trong khi đó, số lượng các nhà nghiên cứu Hàn Quốc nhận bằng tiến sĩ với nghiên cứu liên quan đến Việt Nam năm 2015 đã đạt con số khoảng 100 người.

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu quá trình phát triển và các xu hướng chính trong nghiên cứu Việt Nam tại Hàn Quốc từ khi Hàn Quốc được giải phóng khỏi chế độ thực dân Nhật năm 1945 đến nay, đặc biệt là giai đoạn từ năm 1990 đến 2015.

II. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Phạm vi của nghiên cứu này là “nghiên cứu Việt Nam tại Hàn Quốc”, bao gồm những nghiên cứu được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu tại Hàn Quốc trong các lĩnh vực học thuật như: xuất bản sách, các bài nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học, luận

văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ. Để có được kết quả nghiên cứu này, trước tiên, tác giả đã tìm kiếm các từ ‘베트남’ (Vietnam), ‘안남’ (Annam), ‘월남’ (Wolnam) bằng tiếng Hàn¹, trên website của Hệ thống Chia sẻ thông tin nghiên cứu (<http://www.riss.kr>) do Cục Thông tin nghiên cứu và giáo dục Hàn Quốc điều hành, để tìm kiếm những luận văn, luận án và các bài tạp chí trong nước. Luận văn và luận án ở Hàn Quốc cũng được tìm kiếm bằng cách nhập thuật ngữ ‘Vietnam’ bằng tiếng Anh. Từ danh sách tìm kiếm, chỉ có các nghiên cứu trực tiếp liên quan đến việc nghiên cứu về Việt Nam được sắp xếp và phân loại theo lĩnh vực nghiên cứu và các giai đoạn thời gian². Ngoài ra, kết

quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu đã được tìm kiếm trên trang web Thông tin các nhà nghiên cứu Hàn Quốc (<http://www.kri.go.kr>) và thông tin do chính tác giả thu thập cũng được bổ sung và sử dụng triệt để. Mặt khác, để hiểu sự thay đổi tỷ lệ các nghiên cứu về Việt Nam trong số các nghiên cứu về Đông Nam Á, tác giả đã tìm kiếm tỷ lệ các bài tạp chí về Việt Nam so với tổng số các bài tạp chí được xuất bản trên *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* của Hội Nghiên cứu Đông Nam Á tại Hàn Quốc.

III. Quá trình phát triển Việt Nam học tại Hàn Quốc

1. Các nghiên cứu trước năm 1945

Nghiên cứu Việt Nam ở Hàn Quốc được bắt đầu bởi Kim Young-kun, một nhà nghiên cứu người Hàn Quốc đã ở Việt Nam trong thời kỳ thực dân Nhật (Youn Dae-yeong, 2009). Kim Young-kun là thủ thư từ năm 1931 đến 1940 tại Viện Viễn Đông Bác cổ của Pháp tại Hà Nội. Cụ thể là năm 1937, ông đã viết về quan niệm La-tinh hóa Hangul (ký tự tiếng Hàn) trong “Thông tin An Nam - Hà Nội” gửi cho Lee Yun-jae, biên tập viên của Tạp chí *Hangul* (Xem: Kim Young-kun, 1937). Sau khi sang Nhật Bản, ông đã xuất bản một loạt sách, chẳng hạn như <日佛安南語會話辭典> (*Từ điển Đàm thoại Nhật - Pháp - An Nam*) năm 1942 và <印度支那と日本との關係> (*Đông Dương và mối quan hệ với Nhật Bản*) năm 1943. Nhưng công trình của ông không liên quan đến Việt Nam học tại Hàn Quốc sau này và các công trình của ông cũng chủ yếu được xuất bản tại Nhật Bản. Điều đó khiến ông không được đưa vào phạm vi “nghiên cứu Việt Nam tại Hàn Quốc”. Do vậy, nghiên cứu của ông có thể được xem là một thời kỳ nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc, chứ chưa thể gọi ông là người nghiên cứu thuộc thế hệ đầu tiên trong lĩnh vực này.

¹ Cả ba thuật ngữ đều đã được sử dụng ở Hàn Quốc, trong khi ‘베트남’ (Việt Nam) là thuật ngữ được sử dụng phổ biến nhất trong xã hội đương đại. ‘베트남’ (Việt Nam) chỉ là tiếng Việt theo cách phát âm của tiếng Việt, trong khi ‘월남’ (Wolnam) là cách phát âm tiếng Hàn của chữ Hán của Việt Nam. ‘안남’ (Annam), là từ Trung Quốc gọi Việt Nam trong lịch sử, cũng thường được sử dụng ở Hàn Quốc trước thời kỳ đương đại.

² Danh sách tìm kiếm bao gồm những nghiên cứu so sánh có chữ Việt Nam trong tiêu đề nằm trong phạm vi nghiên cứu, còn những nghiên cứu so sánh về một số quốc gia không có chữ Việt Nam trong tiêu đề bị loại trừ cho dù trong nghiên cứu của họ có đề cập đến Việt Nam bởi họ chỉ tập trung vào việc so sánh chứ không phải là thực hiện nghiên cứu về chính Việt Nam. Ngoài ra, các nghiên cứu về chính sách ngoại giao của Hàn Quốc và mối quan hệ quốc tế liên quan đến chiến tranh Việt Nam cũng được loại trừ khỏi phạm vi nghiên cứu, chẳng hạn như việc quân ROK được gửi đến Việt Nam, bởi những nghiên cứu đó chỉ tập trung vào chính sách ngoại giao và các quan hệ quốc tế của Hàn Quốc, vấn đề này quá rộng so với phạm vi nghiên cứu của Việt Nam học. Trong khi các nghiên cứu liên quan đến việc di cư theo diện hôn nhân sang Hàn Quốc cũng được coi là một nghiên cứu về xã hội Hàn Quốc trong phạm vi hẹp, chúng đồng thời cũng được đưa vào phạm vi nghiên cứu của chúng tôi với tư cách là một nghiên cứu về cộng đồng người Việt.

2. Sự ra đời Việt Nam học từ năm 1945

Trong thời kỳ đế quốc Nhật Bản, người Hàn Quốc đã có thể cảm thông với người Việt Nam với tư cách là những người thuộc địa. Người Hàn từng đọc đi đọc lại cuốn sách có tựa đề <월남망국사> (*Wolnam Mangguksa*), bản tiếng Hàn của cuốn *Việt Nam vong quốc sử* của tác giả Phan Bội Châu do Liang Qi-chao biên tập. Tuy nhiên, sau khi giải phóng khỏi đế quốc Nhật năm 1945, người Hàn lại không mấy hứng thú với chủ đề Việt Nam với tư cách một xã hội đang thay đổi nhanh chóng. Do vậy, không có một công trình học thuật nào về Việt Nam được thực hiện ở thời kỳ đầu giải phóng. Hàn Quốc đã trải qua cuộc chiến tranh năm 1950-1953 và xây dựng quan hệ hợp tác với miền Nam Việt Nam trong quá trình hợp tác với các quốc gia chống cộng trong khu vực¹. Theo đó, mối quan tâm đến Việt Nam dần dần bắt đầu trở lại. Tuy nhiên, trong những năm 1950 chỉ duy nhất có một nghiên cứu học thuật được thực hiện bởi Cho Hyowon, một giáo sư chính trị học thuộc trường Đại học Yonsei. Cho Hyowon đã mô tả bao quát về Đông Dương trong cuốn sách có tựa đề <아세아정치론> (*Chính trị Châu Á*) năm 1955 và đã công bố một bài tạp chí có tiêu đề “월남의 정부조직” (Tổ chức Chính phủ Việt Nam) vào năm 1959². Trong những năm 1950, không có một nghiên cứu

chuyên biệt nào về Việt Nam được xuất bản, mà Việt Nam chỉ được điểm qua trong các nghiên cứu về lịch sử thế giới hay sách giáo khoa địa lý (Yoon Dong-soo, 1954; Park No-sik, 1956; Pyo Mun-hwa, 1958; Choi Chi-ryun, 1958). Cuốn <월남공화국> (*Cộng hòa Việt Nam*) của Bộ Ngoại giao Hàn Quốc xuất bản năm 1959 chỉ được xem như cuốn sách nhỏ dùng tham khảo cho công việc. Đến năm 1960, Bộ Nông Lâm nghiệp của Hàn Quốc có xuất bản cuốn <월남의 농업협동조합> (*Các hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam*).

Các xuất bản phẩm về Việt Nam tăng lên có liên quan đến việc binh lính Hàn Quốc được phái đến miền Nam Việt Nam kể từ năm 1964. Năm 1965, Hahm Jae-gun xuất bản cuốn <이것이 베트남이다> (*Đây là Việt Nam*) và Viện Nghiên cứu Quốc tế xuất bản cuốn <베트남: 그 역사적 배경과 현실> (*Việt Nam: Bối cảnh lịch sử và hiện thực*) giới thiệu một cách khái quát về Việt Nam. Hầu hết các cuốn sách về Việt Nam được xuất bản trong năm 1965-1966 là các nghiên cứu chính sách; chẳng hạn như: <월남전과 한국의 안전보장> (*Chiến tranh Việt Nam và an ninh Hàn Quốc*) của Viện Nghiên cứu Quốc tế, <월남전과 한국> (*Hàn Quốc và chiến tranh Việt Nam*) của Won Yong-seok. Cuốn <한국과 월남과의 관계> (*Mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc*) xuất bản năm 1966 của tác giả Choi Sang-soo là nghiên cứu học thuật toàn diện đầu tiên liên quan đến lịch sử Việt Nam và mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc.

Luận văn thạc sĩ đầu tiên có nghiên cứu về Việt Nam được xuất bản vào năm 1964 của tác giả Park Hee-ju với chủ đề “Vai trò của các nhóm chính trị Đông Nam Á: Myanmar, Indonesia và Việt Nam”. Tiếp đến năm 1965, Han Sang-sun công bố luận văn thạc sĩ “Nghiên cứu thực nghiệm về thị

¹ Sau khi bị chia tách bởi Công ước Genève vào tháng 7/1954, miền Nam Việt Nam đổi thành Việt Nam Cộng hòa thông qua một cuộc trưng cầu dân ý vào tháng 10/1955 và Ngô Đình Diệm nhậm chức Tổng thống vào ngày 26/10/1955. Khi chính quyền Ngô Đình Diệm ra mắt, Chính phủ Hàn Quốc đã tán thành ngay ngày hôm sau và thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức.

² Tuy nhiên, không chắc chắn là liệu bài tạp chí này có phải là bài viết học thuật đầu tiên về Việt Nam được xuất bản tại Hàn Quốc sau khi giải phóng khỏi đế quốc Nhật hay không.

trường Việt Nam”. Sau đó, một số luận văn thạc sĩ về chủ đề chiến tranh Việt Nam được xuất bản (Kim Ki-jo, 1966; Yang Jung-gyu, 1966). Đối với luận án tiến sĩ ở Hàn Quốc, luận án của Choi Sam-seop năm 1969 được ghi nhận là luận án đầu tiên nghiên cứu về Việt Nam; luận án này nghiên cứu dịch tễ học về bệnh sốt rét trong quân đội Hàn Quốc tại Việt Nam. Tiếp sau đó là luận án tiến sĩ của Hwang Chung-hyun vào năm 1971 với chủ đề “Nghiên cứu điều tra về tính kháng của bọ chét đối với chỉ số bọ chét và thuốc trừ sâu ở Việt Nam” và luận án tiến sĩ của Lee Dae-jin vào năm 1972 “Nghiên cứu dịch tễ học về nhiễm khuẩn đường ruột ở một số vùng của Việt Nam”. Các luận án tiến sĩ đầu tiên về Việt Nam đều là nghiên cứu y học. Về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, Giáo sư Lee Eun-ho là học giả đầu tiên nhận bằng tiến sĩ Khoa học Chính trị năm 1972 tại Hoa Kỳ với đề tài “Vai trò của quân đội trong xây dựng quốc gia: Miền Nam Việt Nam và Hàn Quốc”. Giáo sư Yu Insun đã nhận bằng tiến sĩ ngành Lịch sử tại Hoa Kỳ năm 1978 với đề tài “Luật pháp và gia đình Việt Nam vào thế kỷ XVII và XVIII”. Tại Hàn Quốc, Giáo sư Kim Ki-tae đã nhận bằng tiến sĩ ngành Khoa học Chính trị năm 1983 với đề tài “Sự

Hàn Quốc thực sự bắt đầu vào giữa những năm 1960 - đầu những năm 1970.

3. Sự gia tăng các chuyên gia nghiên cứu về Việt Nam

Tác giả bài viết này phân loại các nhà nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc hiện nay thành hai nhóm là nhà nghiên cứu chuyên ngành và nghiên cứu quan tâm. Nhà nghiên cứu chuyên ngành là những người có bằng tiến sĩ với chủ đề nghiên cứu về Việt Nam và tiếp tục thực hiện nghiên cứu về Việt Nam sau khi nhận bằng tiến sĩ. Nhà nghiên cứu quan tâm là những người có bằng tiến sĩ chuyên ngành Việt Nam học nhưng không tiếp tục thực hiện nghiên cứu về Việt Nam sau khi nhận bằng tiến sĩ và học giả hoặc những người có bằng tiến sĩ chuyên ngành khác nhưng chủ đề nghiên cứu có liên quan đến Việt Nam với tư cách là nghiên cứu trường hợp¹.

Trong số các nhà nghiên cứu chuyên ngành, số người có bằng tiến sĩ tính đến thập niên 1980 là 3 người, nửa đầu thập niên 1990 là 4 người, từ năm 1996-2000 là 9 người, từ 2001-2005 là 13 người, 2006-2010 là 6 người và từ 2011-2015 là 5 người (Xem bảng 1). Trong khi Lee Eun-ho, Yu Insun và Kim Ki-tae là những nhà nghiên

Bảng 1. Số lượng người Hàn Quốc nhận bằng tiến sĩ về Việt Nam học qua các năm, 1969-2015

Năm	1969-1980	1981-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005	2006-2010	2011-2015	Tổng số
Nhà nghiên cứu chuyên ngành	2	1	4	9	13	6	5	40
Nhà nghiên cứu quan tâm	5	3	8	7	6	12	24	65

Nguồn: Thống kê của tác giả được thu thập từ các nguồn thông tin khác nhau.

tham gia của Hàn Quốc trong Chiến tranh Việt Nam và Quan hệ Hàn Quốc - Hoa Kỳ”. Như vậy, các nghiên cứu Việt Nam học tại

¹ Phạm vi của chuyên ngành Việt Nam học hẹp hơn sự phân loại của Park Seung-woo (2013) về các chuyên gia nghiên cứu Việt Nam.

cứu chuyên ngành Việt Nam học thuộc thể hệ đầu tiên tại Hàn Quốc thì những người có bằng tiến sĩ về chuyên ngành này có thể được tính là những chuyên gia về Việt Nam học thuộc thể hệ thứ hai. Theo phân loại của Park Seung-woo (2013), thể hệ thứ hai các nhà nghiên cứu chuyên ngành Việt Nam học có thể được phân thành ba nhóm: Nhóm thứ nhất là 4 nhà nghiên cứu chuyên ngành Việt Nam học nhận bằng tiến sĩ vào nửa đầu thập niên 1990; Nhóm thứ hai là 9 nhà nghiên cứu nhận bằng tiến sĩ vào nửa cuối thập niên 1990; Nhóm thứ ba là 24 nhà nghiên cứu nhận bằng tiến sĩ các năm 2001-2015. Đặc biệt, vào nửa cuối thập niên 1990 và nửa đầu thập niên 2000, 22 học giả nhận bằng tiến sĩ về Việt Nam học đã tạo ra “sự bùng nổ” trong nghiên cứu Việt Nam tại Hàn Quốc. Đây là thời kỳ nghiên cứu về Việt Nam tăng vọt không chỉ ở Hàn Quốc mà cả trên thế giới, khi Việt Nam tiến hành mở cửa với việc thực hiện Đổi mới cuối năm 1986 và áp dụng chính sách cải cách toàn diện. Những nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam trong giai đoạn này có thể được gọi là “thế hệ Đổi mới”.

Sau đó, có nhiều người nhận bằng tiến sĩ về Việt Nam học từ cuối thập niên 2000, nhưng chỉ có một số người vẫn tiếp tục thực hiện nghiên cứu liên quan đến Việt Nam, còn

một số khác không tiếp tục nghiên cứu về Việt Nam sau khi nhận bằng. Những người không tiếp tục nghiên cứu về Việt Nam được xem là đã thực hiện nghiên cứu về Việt Nam với tư cách là nghiên cứu trường hợp phục vụ cho luận án tiến sĩ của họ, chứ không phải nghiên cứu Việt Nam học, hoặc họ chỉ lấy bằng tiến sĩ do nhu cầu công việc chứ không hoạt động nghiên cứu học thuật. Ngoài ra, vào cuối những năm 2000 và đầu những năm 2010, đã có sự gia tăng số lượng các nghiên cứu sinh làm luận án về các vấn đề xã hội khác nhau liên quan đến việc di cư theo diện hôn nhân của phụ nữ Việt Nam đến Hàn Quốc. Ngày càng có nhiều nhà nghiên cứu nhận bằng tiến sĩ ngành Việt Nam học về các chủ đề khác nhau như kỹ thuật, kiến trúc, vấn đề phát triển đô thị, v.v... Nhiều nhà nghiên cứu lấy bằng tiến sĩ về chủ đề di cư theo diện hôn nhân và một số chủ đề khác nhưng không thường xuyên tham gia vào các nghiên cứu về Việt Nam.

Trong số các nhà nghiên cứu chuyên ngành, các nhà Khoa học chính trị chiếm số lượng đông đảo nhất - 11 người, tiếp đến là các nhà Sử học - 6 người và Nhân học - 6 người. Số nhà nghiên cứu chuyên ngành Việt Nam học thuộc thể hệ thứ nhất và thứ hai trong lĩnh vực khoa học chính trị chiếm 27%, trong lĩnh vực lịch sử và

Bảng 2. Số lượng người Hàn Quốc nhận bằng tiến sĩ về Việt Nam học theo các lĩnh vực, 1969-2015

Bộ môn	Ngôn ngữ	Văn học	Lịch sử, Triết học	Chính trị học	Kinh tế học, Quản trị kinh doanh	Nhân học	Xã hội học	Nghiên cứu quốc tế	Khác	Tổng
Nhà nghiên cứu chuyên ngành	3	4	7	11	2	6	4	1	2	40
Nhà nghiên cứu quan tâm	2	2	3	15	9	3	4	5	22	65

Nguồn: Thống kê của tác giả được thu thập từ các nguồn thông tin khác nhau.

triết học chiếm 17%, trong nhân học là 15% (Xem bảng 2). Theo nghiên cứu của Park Seung-woo (2013), trong số những người nhận bằng tiến sĩ là chuyên gia về Đông Nam Á thuộc thể hệ thứ nhất và thứ hai, số chuyên gia về Đông Nam Á trong lĩnh vực Khoa học chính trị là 46%, Nhân học là 16% và Kinh tế học là 12%. So với toàn bộ các chuyên gia về Đông Nam Á, thì số lượng nhà nghiên cứu chuyên ngành Việt Nam học trong lĩnh vực Khoa học Chính trị và Lịch sử còn tương đối ít. Tuy nhiên, nếu tính cả những nhà nghiên cứu ngành Khoa học Chính trị tại Hàn Quốc có bằng tiến sĩ với chủ đề liên quan đến chiến tranh Việt Nam thì tỷ lệ các nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam phân theo lĩnh vực học thuật sẽ gần hơn với tỷ lệ các nhà nghiên cứu Đông Nam Á cùng về lĩnh vực này. Tỷ lệ các nhà nghiên cứu chuyên ngành Việt Nam học trong lĩnh vực Kinh tế học tương đối thấp so với tỷ lệ các chuyên gia về Đông Nam Á trong lĩnh vực này, bởi vì chỉ có một vài nhà Kinh tế học làm luận án tiến sĩ về Việt Nam nhưng lại có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm thực hiện các nghiên cứu trường hợp liên quan đến Việt Nam trên các vấn đề kinh tế.

4. Việc xuất bản sách lịch sử và từ điển

Các nhà nghiên cứu chuyên ngành Việt Nam học đã xuất bản sách lịch sử và từ điển phục vụ cho các nghiên cứu về Việt Nam học. Dưới đây là một số cuốn sách có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc. <베트남사> (*Lịch sử Việt Nam*) của Yu Insun (1984; 2002) và Song Jung-nam (2000; 2010), và <동남아시아사> (*Lịch sử Đông Nam Á*) của Choi Byung-wook (2006; 2016). Ngoài ra, còn có các cuốn từ điển như *Từ điển Việt-Hàn* do Cho Jae-hyun biên soạn (2006) và *Từ điển Hàn-Việt* do Song Jung-nam, Lee

Kang-woo và Park Yeon-gwan biên soạn (2011). Các tác giả này đã cung cấp các công cụ cơ bản phục vụ cho nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc.

IV. Xu hướng nghiên cứu gần đây

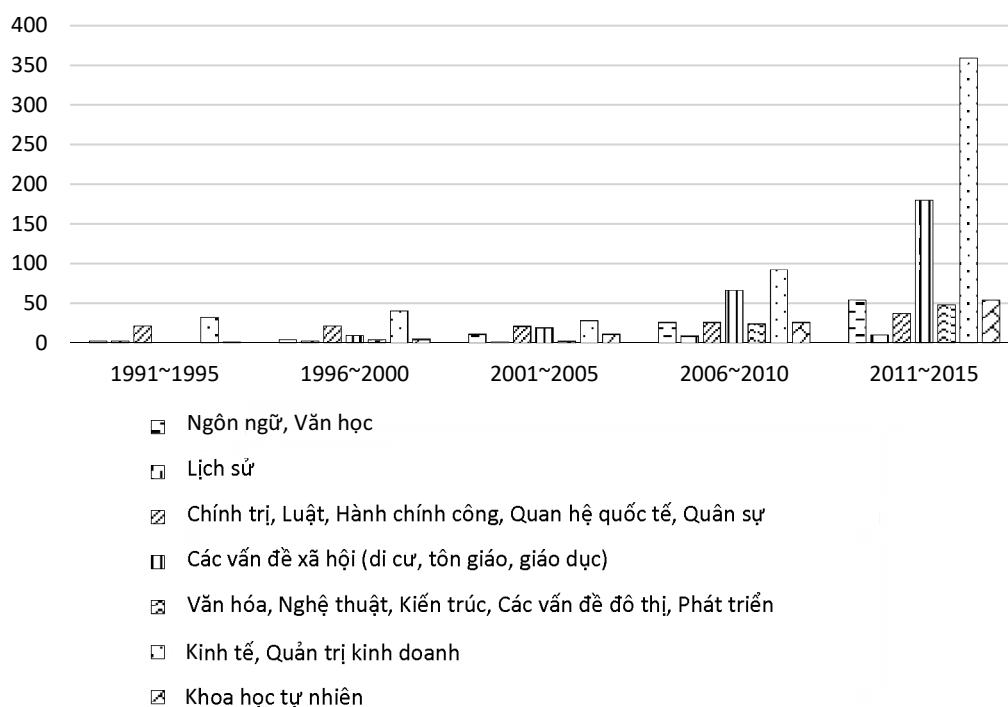
1. Sự thay đổi các chuyên ngành nghiên cứu về Việt Nam

Để có thể hiểu được những thay đổi gần đây trong các nghiên cứu về Việt Nam, chúng tôi phân loại các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các bài tạp chí được xuất bản từ những năm 1991-2015 (đã được đăng ký tại website Hệ thống Chia sẻ thông tin nghiên cứu <http://www.riss.kr>) theo chuyên ngành nghiên cứu và theo từng thời kỳ. Số lượng các đề tài thạc sĩ và tiến sĩ liên quan đến Việt Nam vào đầu thập niên 1990 có ít hơn 10 đề tài mỗi năm, từ giữa thập niên 1990 đến năm 2005 có khoảng 10-20 đề tài mỗi năm và sau đó số lượng này đã tăng lên nhanh chóng từ giữa những năm 2000, có 34 đề tài vào năm 2006 và vào năm 2012 đã có tới 186 đề tài¹. Về tỷ lệ số lượng nghiên cứu giữa các ngành, số lượng các bài tạp chí về kinh tế và quản trị kinh doanh nhiều hơn so với các lĩnh vực khác trong tất cả các thời kỳ và số lượng bài tạp chí về các vấn đề xã hội đã tăng nhanh kể từ giữa những năm 2000 (Xem hình 1).

Các học giả Việt Nam bắt đầu làm đề tài luận văn tại các trường đại học ở Hàn Quốc từ giữa thập niên 1990. Trần Văn Hòe (1995) và Bùi Anh Tuấn (1995) có thể nói là hai người Việt Nam đầu tiên nhận bằng thạc

¹ Trong khoảng thời gian 2012-2015, hàng chục bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh đã được cấp cho sinh viên Việt Nam tại Đại học Soongsil, điều này góp phần làm tăng đột biến số lượng luận văn thạc sĩ liên quan đến Việt Nam học tại Hàn Quốc; Năm 2012 khoảng 70 đề tài, năm 2013 khoảng 40 đề tài, năm 2014 khoảng 90 đề tài và năm 2015 khoảng 20 đề tài.

Hình 1. Số lượng các nghiên cứu theo ngành của các đề tài thạc sĩ và tiến sĩ về Việt Nam học



Nguồn: Thống kê của tác giả từ website của Hệ thống Chia sẻ thông tin nghiên cứu (<http://www.riss.kr>).

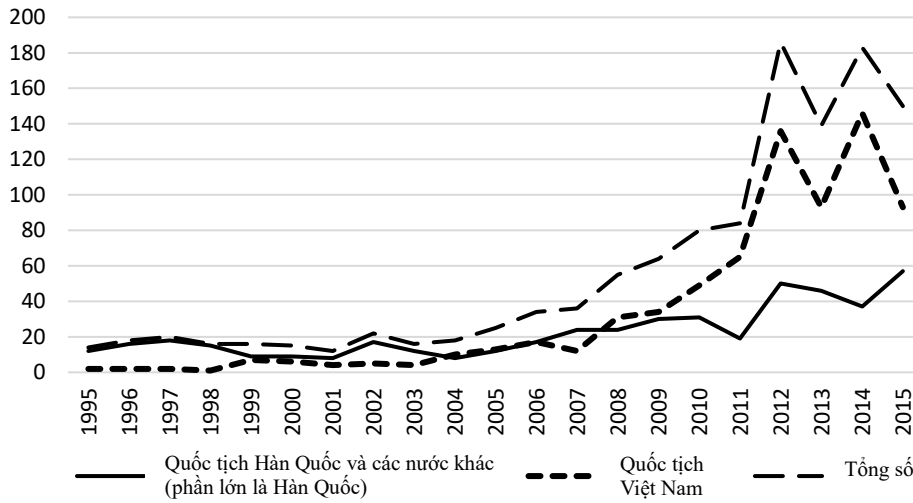
sĩ về đề tài Việt Nam tại Hàn Quốc (Theo website của Hệ thống Chia sẻ thông tin nghiên cứu <http://www.riss.kr>). Năm 1996 có thêm hai người Việt Nam nữa nhận bằng thạc sĩ tại Hàn Quốc¹. Đáng chú ý là trong số những người lấy bằng thạc sĩ và tiến sĩ về Việt Nam, tỷ lệ các tác giả là người Việt Nam chiếm một nửa vào giữa những năm 2000 và đã tăng đáng kể từ năm 2010. Như trong hình 2, năm 2003, số tác giả người Việt Nam ít hơn số tác giả của Hàn Quốc và các quốc gia khác, nhưng đến giai đoạn 2004-2006 số

lượng ở hai nhóm này gần bằng nhau, và đến năm 2008 số tác giả Việt Nam đã đông hơn các tác giả của Hàn Quốc và các quốc gia khác. Kể từ năm 2010, số tác giả Việt Nam đã nhiều hơn so với Hàn Quốc và các nước khác. Đây là kết quả của sự gia tăng số sinh viên Việt Nam nhập học tại các trường sau đại học ở Hàn Quốc kể từ giữa những năm 2000 và số người nhận được bằng kể từ năm 2010. Hầu hết sinh viên Việt Nam là những người có bằng thạc sĩ, nhiều người trong số họ đã làm luận văn về kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc các vấn đề liên quan đến di cư theo diện hôn nhân.

Số lượng các bài tạp chí về Việt Nam được xuất bản trên các tạp chí học thuật của Hàn Quốc vào đầu thập niên 1990 là dưới 10 bài, nhưng đã tăng lên 20-40 bài mỗi năm vào giữa những năm 1990 và lên tới 40-70 bài mỗi năm vào giữa những

¹ Bốn sinh viên Việt Nam nhận bằng thạc sĩ tại Hàn Quốc với đề tài liên quan đến Việt Nam trong năm 1995-1996 là những sinh viên hoàn thành khóa học thạc sĩ tại Khoa Nghiên cứu quốc tế sau đại học của Đại học Yonsei với học bổng của Giáo sư Koo Sung-yeal. Sinh viên Việt Nam tại Hàn Quốc học và nhận bằng thạc sĩ về nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không chỉ là đề tài về Việt Nam.

Hình 2. Số lượng các tác giả nhận bằng thạc sĩ và tiến sĩ về Việt Nam học theo quốc tịch tại Hàn Quốc



Nguồn: Thống kê của tác giả từ website của Hệ thống Chia sẻ thông tin nghiên cứu (<http://www.riss.kr>).

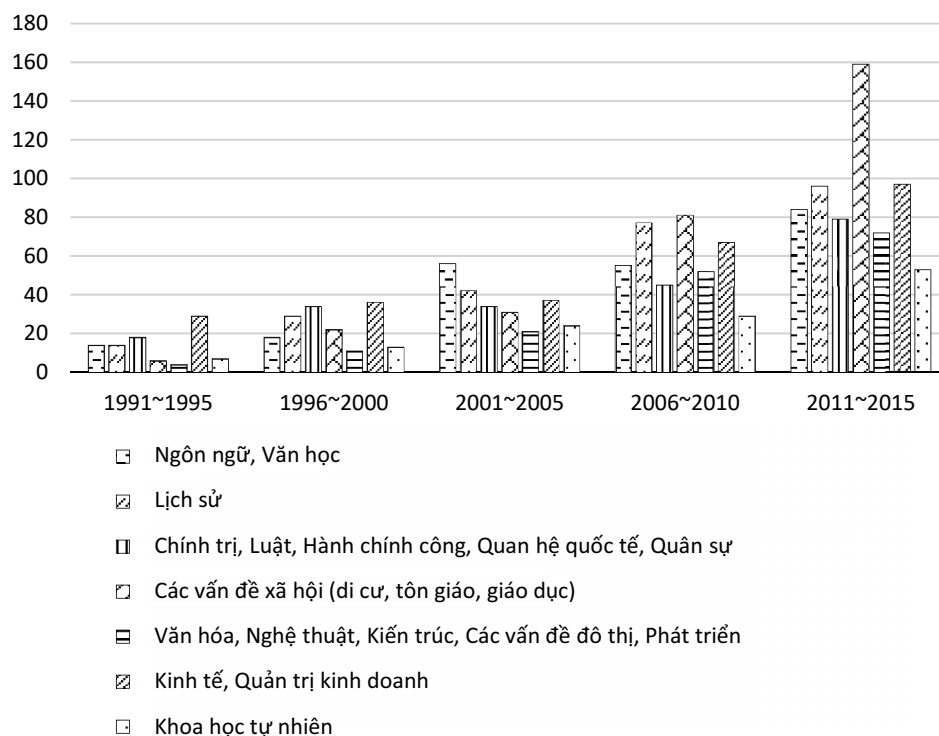
năm 2000. Số lượng các bài tạp chí tiếp tục tăng mạnh; trong những năm 2010-2012 có khoảng 100-120 bài mỗi năm, giai đoạn 2013-2014 khoảng 130 bài và có hơn 150 bài vào năm 2015.

Như được hiển thị trong hình 3, số lượng các bài tạp chí theo lĩnh vực nghiên cứu từ năm 1991-2015 theo thứ tự từ cao xuống thấp là: các vấn đề xã hội, kinh tế, quản trị kinh doanh và lịch sử. Trong thời kỳ này, số lượng bài tạp chí về các vấn đề xã hội là cao nhất với 299 bài, trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh là 266 bài và trong lĩnh vực sử học là 258 bài (bao gồm một số bài về triết học). Đến năm 2012, tổng số bài tạp chí trong lĩnh vực sử học là nhiều nhất¹. Gần đây, số lượng các

bài tạp chí về chủ đề di cư theo diện hôn nhân và chủ nghĩa đa văn hóa đã tăng vọt và số lượng các bài tạp chí về các vấn đề xã hội đã trở nên nhiều nhất. Theo lĩnh vực nghiên cứu, số lượng các bài tạp chí về kinh tế có sự gia tăng mạnh mẽ vào năm 1993 ngay sau khi quan hệ ngoại giao Hàn Quốc - Việt Nam được thiết lập, các bài tạp chí về văn học và sử học nói chung đã tăng lên trong những năm 2000 (trừ năm 2008). Số lượng các bài tạp chí về chính trị và các vấn đề liên quan chỉ khoảng 10 bài mỗi năm nhưng đã tăng lên hơn 20 bài mỗi năm trong những năm 2014-2015. Kể từ giữa những năm 2000, số lượng bài tạp chí về các vấn đề xã hội đã tăng vọt, các nghiên cứu về văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc và kỹ thuật dân dụng cũng tăng lên. Các nghiên cứu về kinh tế gia tăng đặc biệt từ giữa những năm 2000 và các nghiên cứu về quản trị kinh doanh cũng đang dần tăng lên. Ngoài ra, từ cuối những năm 2000, số lượng bài tạp chí trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, nông nghiệp và kỹ thuật đã tăng dần, cho thấy

¹ Có nhiều bài tạp chí về lịch sử là do những nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam được xem là các nghiên cứu thuộc lĩnh vực lịch sử hiện đại. Trong khi đó, số lượng các bài tạp chí về lịch sử trong các nghiên cứu Việt Nam tại Nhật Bản cũng là lớn nhất vào giữa thập niên 1990 (Shimao Minoru & Sakurai Yumio, 1999).

Hình 3. Số lượng các bài nghiên cứu học thuật về Việt Nam học theo lĩnh vực tại Hàn Quốc



Nguồn: Thống kê của tác giả từ website của Hệ thống Chia sẻ thông tin nghiên cứu (<http://www.riss.kr>).

sự đa dạng hóa của các nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc đang mở rộng.

2. Đánh giá các xu hướng nghiên cứu

Đánh giá về các xu hướng nghiên cứu trên, trước tiên chúng ta có thể thừa nhận rằng có sự gia tăng đáng kể về số lượng các nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc. Số lượng bài tạp chí được xuất bản trong những năm 2000 đã tăng từ 40-60 bài mỗi năm lên 70 bài vào năm 2007 và hơn 100 bài trong năm 2010-2011 cho thấy sự phát triển nhanh chóng trong nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc. Đó là do sự gia tăng số nhà nghiên cứu chuyên ngành Việt Nam học vào cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000, và quan trọng hơn do nhiều nhà nghiên cứu đã quan tâm đến Việt Nam học. Đặc biệt, mặc dù số nhà nghiên

cứu chuyên ngành trong lĩnh vực nghiên cứu xã hội, kinh tế và quản trị kinh doanh tăng không đáng kể, nhưng có sự gia tăng rất lớn về số lượng bài nghiên cứu trong các lĩnh vực này, đặc biệt là từ giữa những năm 2000. Trong lĩnh vực các vấn đề xã hội, có sự bùng nổ số lượng các nghiên cứu, đặc biệt là liên quan đến phụ nữ di cư theo diện hôn nhân. Các bài tạp chí về kinh tế và quản trị kinh doanh đang tiếp tục tăng từ khi Hàn Quốc mở rộng hợp tác kinh tế với Việt Nam.

Tỷ lệ các nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam trong số các nhà nghiên cứu về vùng Đông Nam Á là khoảng 20%. Theo nghiên cứu của Park Seung-woo (2013), 23% trong số các chuyên gia nghiên cứu vùng về Đông Nam Á ở Hàn

Quốc là các chuyên gia về Việt Nam học. Có thể ước tính tỷ lệ các nghiên cứu về Việt Nam trong nghiên cứu Đông Nam Á nói chung với các bài tạp chí được công bố trên tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, được xuất bản bởi Hội Nghiên cứu Đông Nam Á của Hàn Quốc - một hiệp hội nghiên cứu đại diện về Đông Nam Á tại Hàn Quốc. Số lượng các bài viết liên quan đến Việt Nam trong số các bài được công bố trên tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* đã tăng từ năm 1992 đến 2015, nhưng tỷ lệ các nghiên cứu về Việt Nam trong nghiên cứu về Đông Nam Á không thay đổi nhiều (16% đến 20%) (Xem bảng 3). Điều này là do tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* là một trong những tạp chí chính mà các nhà nghiên cứu chuyên ngành về Đông Nam Á công bố kết quả nghiên cứu của họ. Do đó, ngay cả khi số lượng các nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam tăng lên, thì tỷ lệ tương đối của nó trong các chuyên ngành Đông Nam Á không tăng nhanh. Mặt khác, các nhà nghiên cứu thường công bố nghiên cứu trên các tạp chí khác bên cạnh tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, theo đó, có hạn chế trong việc ước tính tỷ lệ các nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc trong số các nghiên cứu về Đông Nam Á.

Đáng chú ý là những bài nghiên cứu về các vấn đề kinh tế của Việt Nam trong những năm giữa thập niên 1990 và các bài nghiên cứu về kinh tế Việt Nam, về mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Hàn

Quốc cũng như các chủ đề liên quan đến việc quản trị kinh doanh của các công ty có vốn đầu tư Hàn Quốc tại Việt Nam đã tăng lên từ giữa những năm 2000. Điều này liên quan đến sự gia tăng lợi ích kinh tế kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ song phương vào năm 1992 và sự gia tăng đầu tư trực tiếp vào Việt Nam của các công ty Hàn Quốc. Điều đó cho thấy, nếu trước đây có nhiều nghiên cứu về các vấn đề kinh tế, thì gần đây, nhiều nghiên cứu về các chủ đề quản trị kinh doanh cũng đã được thực hiện. Một điểm đáng chú ý khác là số lượng nghiên cứu về các vấn đề xã hội nói chung và di cư theo diện hôn nhân nói riêng đã tăng lên từ giữa những năm 2000. Điều này là do sự gia tăng số phụ nữ Việt Nam nhập cư theo diện hôn nhân vào Hàn Quốc trong những năm 2000 và sự thích ứng của họ với xã hội Hàn Quốc đã trở thành các vấn đề xã hội tại đây. Nhu cầu thực tế của xã hội Hàn Quốc đã góp phần gia tăng các nghiên cứu học thuật về Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh và xã hội.

Ngoài ra, các nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam, về sự thống nhất và gắn kết xã hội sau khi Việt Nam thống nhất hai miền được công bố đều đặn, mặc dù không tăng nhiều về số lượng. Đây là một phần trong nỗ lực xem xét lại chiến tranh Việt Nam với tư cách là một bên tham chiến và rút ra những bài học từ kinh nghiệm về quá trình thống nhất và gắn kết xã hội của Việt Nam. Ngoài ra, các bài nghiên cứu trong

Bảng 3. Số lượng và tỷ lệ các bài nghiên cứu liên quan đến Việt Nam trên Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Hàn Quốc, 1992-2015

Năm	1992-1995		1996-2000		2001-2005		2006-2010		2011-2015	
Việt Nam	9	20%	10	19%	15	16%	15	18%	22	19%
Tổng	44		52		91		84		118	

Nguồn: Thống kê của tác giả từ website của Hệ thống Chia sẻ thông tin nghiên cứu (<http://www.riss.kr>).

các lĩnh vực khác nhau như văn học cổ điển, văn học hiện đại và đương đại, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, xây dựng đô thị và khoa học tự nhiên cũng tăng dần. Điều này cho thấy sự quan tâm nghiên cứu về Việt Nam đang gia tăng trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

V. Kết luận

Nghiên cứu về Việt Nam tại Hàn Quốc bắt đầu từ mối quan tâm về mặt chính trị khi quân đội Hàn Quốc đến Việt Nam vào giữa thập niên 1960. Tuy nhiên, bằng tiến sĩ nghiên cứu về Việt Nam đầu tiên tại Hàn Quốc lại về lĩnh vực y học trong những năm 1969-1972. Sau khi Việt Nam thống nhất năm 1975, các mối quan tâm nghiên cứu về Việt Nam giảm sút. Các nghiên cứu học thuật về Việt Nam được khởi động lại từ cuối thập niên 1970 đến đầu thập niên 1980. Kể từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới cuối năm 1986 và bình thường hóa quan hệ với Hàn Quốc vào tháng 12/1992, mối quan tâm nghiên cứu về Việt Nam tăng lên mạnh mẽ, dẫn đến sự bùng nổ các nghiên cứu về Việt Nam và sự xuất hiện của nhiều nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam - những người được gọi là “thế hệ Đổi mới” ở thập kỷ từ cuối những năm 1990 đến đầu những năm 2000. Các nhà nghiên cứu chuyên ngành về Việt Nam hiện nay thuộc thế hệ thứ hai, họ là những người tạo cơ sở cho ngành Việt Nam học hiện nay tại Hàn Quốc. Đồng thời, việc tăng cường hợp tác kinh tế và mở rộng trao đổi nhân lực giữa hai quốc gia đòi hỏi phải có những nghiên cứu thực tiễn để tăng cường hiểu biết về xã hội Việt Nam. Do đó, không chỉ các nghiên cứu từ các nhà nghiên cứu chuyên ngành, mà của cả các nhà nghiên cứu quan tâm đã gia tăng đáng kể trong nhiều lĩnh vực xã hội, đặc biệt là vấn đề quản lý kinh tế và quản trị

kinh doanh. Các nghiên cứu của người Hàn Quốc về Việt Nam cũng liên quan chặt chẽ tới môi trường và sự thay đổi xã hội. Đồng thời, những nghiên cứu của các sinh viên Việt Nam học tập tại các trường sau đại học tại Hàn Quốc cũng tăng lên.

Trước đây, các nhà nghiên cứu đã công bố một số bài tạp chí về lĩnh vực kinh tế - xã hội và tiếp tục thực hiện các nghiên cứu chuyên ngành về khoa học chính trị, lịch sử và nhân học. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu chuyên ngành về lịch sử Hàn Quốc cả cổ điển và hiện đại cũng như về văn học đương đại đã thực hiện những nghiên cứu so sánh với Việt Nam và đã thu được những kết quả đáng kể. Điều này cho thấy các nghiên cứu thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của xã hội đã được thực hiện song hành cùng các nghiên cứu học thuật.

Mặc dù các nghiên cứu tăng về mặt số lượng, nhưng phải nói rằng về mặt chất lượng chưa đủ chiều sâu đối với việc nghiên cứu về Việt Nam và nhận thức của công chúng tại Hàn Quốc. Tuy lịch sử ngành Việt Nam học tại Hàn Quốc còn ngắn nhưng sự gia tăng về số lượng các nghiên cứu là rất đáng chú ý. Nhiệm vụ của các học giả là cần tăng cường chất lượng cho các nghiên cứu. Các nghiên cứu về Việt Nam cần chuyển sang sự tăng trưởng định tính dựa trên sự tăng trưởng định lượng. Bên cạnh đó, trong thời gian tới cần đặt ra nhiệm vụ là mở rộng và đào sâu những nghiên cứu mà các học giả đang thực hiện với cộng đồng học thuật thế giới □

Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tiếng Hàn

1. Cho Hyo-won (조효원) (1955), <아세아 정치론>, Moon Jonggak, Seoul.
2. Cho Hyo-won (조효원) (1959), “월남의 정부조직”, <지방행정>, 8(75).

3. Cho Jae-hyun (조재현) (2006), <베트남어-한국어사전>, Hankuk University of Foreign Studies Press, Seoul.
4. Choi Byung-wook (최병욱) (2006), <동남아시아사: 전통 시대>, Korean Textbooks, Seoul.
5. Choi Byung-wook (최병욱) (2016), <동남아시아사: 민족주의 시대>, Sanin, Seoul.
6. Choi Chi-ryun (최치륜) (1958), <오늘의 동남아세아>, Korea Economic Daily, Seoul.
7. Choi Sam-seop (최삼섭) (1969), “월남에 있어서 한국군에 발생한 마라리아에 대한 역학적 조사연구”, <전남의대잡지>, 6(2).
8. Choi Sang-soo (최상수) (1966), <한국과월남과의 관계>, Korea-Vietnam Association, Seoul.
9. Hahm Jae-gun (함재건) (1965), <이것이 베트남이다>, Textbook Culture, Seoul.
10. Han Sang-sun (한상선) (1965), “월남시장에 관한 실증적 고찰”, Master’s Thesis, Korea University.
11. Hwang Chung-hyun (황충현) (1971), “월남의 flea index 와 살충제에 대한 벼룩의 저항력에 관한 조사 연구”, PhD Dissertation, Yonsei University.
12. Institute of International Affairs (국제문제연구소) (1965), <베트남: 그 역사적 배경과 현실>, Institute of International Affairs, Seoul.
13. Institute of International Affairs (국제문제연구소) (1966), <월남전과 한국의 안전보장>, Institute of International Affairs, Seoul.
14. Kim Ki-jo (김기조) (1966), “월남전의 법적 성격: 미국 참전의 법리를 중심으로”, Master’s Thesis, Seoul National University.
15. Kim Ki-tae (김기태) (1982), “한국의 베트남전 참전과 한미관계”, PhD Dissertation, Hankuk University of Foreign Studies.
16. Kim Young-kun (김영건) (1937), “안남 하노이 통신”, <한글>, 5(4).
17. Lee Dae-jin (이대진) (1972), “월남 일부지역에 있어서의 장관 내 세균감염에 대한 역학적 고찰”, PhD Dissertation, Korea University.
18. Ministry of Agriculture and Forestry (농림부) (1960), <월남의 농업협동조합>, Ministry of Agriculture, Seoul.
19. Ministry of Foreign Affairs (외무부) (1959), <월남공화국>, Handbook of Country Reference, Ministry of Foreign Affairs, Seoul.
20. Park No-sik (박노식) (1956), <세계지리요해>, Myongsedang, Seoul.
21. Pyo Mun-hwa (표문화) (1958), <국방지정학강의>, Woosungsa, Seoul.
22. Song Jung-nam (송정남) (2000), <베트남의 역사>, Pusan National University Press, Pusan.
23. Song Jung-nam (송정남) (2010), <베트남 역사 읽기>, Hankuk University of Foreign Studies Press, Seoul.
24. Song Jeong-nam, Lee Kang-woo and Park Yeon-gwan (송정남·이강우·박연관) (2011), <한국어-베트남어사전>, Hankuk University of Foreign Studies Press, Seoul.
25. Won Yong-seok (원용석) (1966), <월남전과 한국>, Office of the Minister, Seoul.
26. Yang Jung-gyu (양정규) (1966), “미국의 대월남정책에 대하여: 월남에 대한 미국의 국가이익을 중심으로”, Master’s Thesis, Hanyang University.
27. Yoon Dong-soo (윤동수) (1954), <(종합) 외국역사>, Samsungsa, Seoul.
28. Youn Dae-yeong (윤대영) (2009), “김영건의 베트남연구 동인과 그 성격: 1930-40년대, 그의 ‘전변무상’한 인생 역정과 관련하여”, *Southeast Asian Studies*, 19(3).
29. Yu Insun (유인선) (1984), <베트남사>, Minumsa, Seoul.
30. Yu Insun (유인선) (2002), <새로 쓴 베트남의 역사>, Isan, Seoul.

(xem tiếp trang 58)